TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Ngọc Thắm

Ông Nguyễn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Việt X, sinh năm 1986.

- *Bị đơn*: Anh Tạ Trường G, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã D, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2018 và các tài liệu thể hiện trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Việt X trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2005, chị X và anh G qua mai mối và tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đến năm 2013 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V – huyện N. Đến năm 2014 thì cuộc sống hôn nhân bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay, nay chị X xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu xin ly hôn với anh Tạ Trường G.

- Về con chung: có 03 người con chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Tạ Trường G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh G không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc chị X yêu cầu xin ly hôn.

** Tại phiên toà:*

- Chị X giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh G, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Anh G vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Tạ Trường G đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Tạ Trường G là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Năm 2005, chị X và anh G qua mai mối và tiến đến hôn nhân, năm 2013 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V – huyện N tại giấy chứng nhận kết hôn số: 32/2013 ngày 07/03/2013, vì vậy quan hệ hôn nhân của hai đương sự được công nhận là vợ chồng.

Trong thời gian chung sống hai đương sự có nhiều mâu thuẫn, chị X cho rằng giữa vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vã với nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 đến nay và không thể hàn gắn hôn nhân nên chị X yêu cầu ly hôn với anh G.

Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã mời anh G đến Tòa án để hòa giải nhưng anh vắng mặt và không trình bày ý kiến về vấn đề hôn nhân với chị X, chứng tỏ anh G không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, chị X và anh G đã ly thân từ năm 2016 đến nay nhưng hai bên không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn gia đình. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân tới mức trầm trọng không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X và anh G.

[2.2] Về con chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Việt X phải chịu là 300.000 đồng, chị X được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Việt X đối với anh Tạ Trường G.

2. Về con chung, tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị X phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016002 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, án phí sơ thẩm chị X đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Hoàng Tuấn

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.